

SỐ: 104/2023/QĐST-HNGĐ

Nh, ngày 25 tháng 7 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 151/2023/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: thôn T, xã X, huyện Nh, tỉnh N.

Bị đơn: chị Trần Thị T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: thôn T, xã X, huyện Nh, tỉnh N.

Căn cứ vào các Điều 147, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự, các Điều 55, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 357 Bộ luật Dân sự; khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 7 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về việc nuôi con chung: anh Nguyễn Văn V và chị Trần Thị T có 03 con chung. Các con chung Nguyễn Văn Đ sinh ngày 10/11/1998 và Nguyễn Thị Th sinh ngày 17/8/2002 đã trên 18 tuổi nên không đặt ra vấn đề nuôi dưỡng. Đối với con

chung là cháu Nguyễn Thanh V sinh ngày 21/6/2014 hai bên thỏa thuận giao cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Văn V phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị T mỗi tháng là 2.000.000 đồng kể từ tháng 8/2023 cho đến khi cháu Nguyễn Thanh V đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Văn V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

2.2 Về tài sản, công nợ chung: anh Nguyễn Văn V, chị Trần Thị T không yêu cầu giải quyết.

2.3 Về án phí: anh Nguyễn Văn V nhận nộp toàn bộ án phí sơ thẩm ly hôn là 150.000đ (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) và 150.000 đồng (*một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Nguyễn Văn V đã nộp theo biên lai thu số: AA/2023/0000264, ngày 20/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nh.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB;
- VKSND huyện NQ;
- THADS huyện NQ;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP./.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hữu Quốc